

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 20/2019/QĐST-VDS

Mai Sơn, ngày 16 tháng 05 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81,82,83, của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 65/2019/TLST-VDS ngày 23 tháng 05 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1997 và anh Nguyễn Quang C (Nguyễn Văn R), sinh năm 1986 cùng trú tại tiểu khu A/B, xã C N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Quang C (Nguyễn Văn R) kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2016 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 13/01/2016.

Sau khi kết hôn, anh chị C sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng, không thể dung hòa được với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi cọ, xích mích nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc bản thân anh C (R) thường xuyên đi làm ăn xa không quan tâm đến vợ con do vậy tình cảm của vợ chồng chờ nên xa cách. Mặc dù đã được 02 gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng anh chị xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Sau

thời gian ly thân, anh chị đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị T, anh C (R) vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T, anh C (R).

[B] Về con chung: Chị T, anh C (R) có 01 con C là cháu Nguyễn Bảo Chi A, sinh ngày 06/08/2016. Chị T, anh C (R) thống nhất: chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chi A cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh C (R) cấp dưỡng nuôi con cùng. Xét thấy việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con của chị T, anh C (R) là đảm bảo việc chăm sóc cho cháu Chi A và phù hợp với quy định tại Điều 81, Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[A] Về tài sản chung vợ chồng: Chị T, anh C (R) tự nguyện thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên tòa án không xem xét.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Chị T, anh C (R) tự nguyện thỏa thuận, không đề nghị tòa án giải quyết nên tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị T nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000VNĐ.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 05 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Quang C (Nguyễn văn R) nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo Chi A, sinh ngày 06/08/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Chi A trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh C (R) cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, anh C (R) được quyền thăm nom con, không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị T, anh C (R) không đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

- Về các vấn đề khác: Không có.

B. Về lệ phí Tòa án: chị Trần Thị Thanh T nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/000B154 ngày 23tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

A. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã C N;
- Thị hành án dân sự, huyện mai sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga